

ĐỀ CƯƠNG ÔN THI CUỐI KÌ 1 – 2022 -2023

Câu 1. Sự bùng nổ dân số hiện nay trên thế giới diễn ra

- A.** ở hầu hết các quốc gia
B. chủ yếu ở các nước phát triển
C. chủ yếu ở các nước đang phát triển
D. chủ yếu ở châu Phi và châu Mỹ- la- tinh

Câu 2: Ý nào sau đây **không** phải là nguyên nhân làm cho khu vực Tây Nam Á và Trung Á mất ổn định và đói nghèo gia tăng?

- A.** Tranh giành đất đai, tài nguyên dầu mỏ, nguồn nước
B. Sự can thiệp của các thế lực nước ngoài.
C. Sự xung đột tôn giáo, sắc tộc, đảng phái.
D. Duy trì cơ cấu xã hội phong kiến trong thời gian dài.

Câu 3: Nguyên nhân gây ra hiệu ứng nhà kính là do :

- A.** tăng lượng khí CO₂ trong khí quyển
B. khai thác quá mức các loại tài nguyên khoáng sản
C. trình độ công nghệ trong sản xuất lạc hậu
D. sử dụng nhiều thuốc trừ sâu trong nông nghiệp

Câu 4. Châu lục có tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên cao nhất trên thế giới là:

- A.** châu Á **B.** châu Phi **C.** châu Mỹ **D.** châu Đại Dương

Câu 5: Nguyên nhân chủ yếu gây nên hiệu ứng nhà kính trên toàn thế giới là chất khí

- A. CFCs** **B. NO₂** **C. CO₂** **D. CH₄**

Câu 6: Lãnh thổ châu Phi đối xứng qua

- A.** xích đạo. **B.** chí tuyến Bắc. **C.** chí tuyến Nam. **D.** kinh tuyến gốc.

Câu 7: Hiện nay, cơ cấu ngành kinh tế của Hoa Kỳ **không** thay đổi theo hướng nào dưới đây?

- A. Từ khu vực sản xuất vật chất sang khu vực phi sản xuất vật chất.
B. Từ nông nghiệp chuyên canh sang nông nghiệp sinh thái tổng hợp.
C. Từ công nghiệp truyền thống sang công nghiệp hiện đại.
D. Từ dịch vụ sang công nghiệp và nông nghiệp.

Câu 8: Khu vực “sừng châu Phi” là tên gọi để chỉ

- A. Đảo Mađagaxca. B. Mũi Hảo Vọng. C. Bán đảo Xômalì. D. Vịnh Ghinê.**

Câu 9: Mĩ Latinh không có kiểu cảnh quan nào sau đây?

- A. Xích đạo.** **B. Nhiệt đới.** **C. Ôn đới.** **D. Hàn đới.**

Câu 10: Tây Nam Á là nơi tranh chấp quyết liệt của các cường quốc lớn bên ngoài do nguyên nhân cơ bản nào?

- A.** Có vị trí địa – chính trị quan trọng
B. Có nguồn dầu mỏ phong phú.
C. Khu vực thường xuyên mất ổn định.
D. Sự phức tạp về sắc tộc và ngôn ngữ.

Câu 11: Tài nguyên nào sau đây hiện đang bị khai thác mạnh ở châu Phi?

- A.** Khoáng sản và thủy sản.
B. Khoáng sản và rừng.
C. Rừng và thủy sản.
D. Đất,rừng và thủy sản.

Câu 12: Nhân xét nào đúng về vị trí địa lí của Mĩ La tinh?

- A.** Nằm giữa Thái Bình Dương và Đại Tây Dương. **B.** Phía Tây tiếp giáp Đại Tây Dương.
C. Nằm giữa Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương. **D.** Phía Đông giáp Thái Bình Dương.

Câu 13: Phần lớn lãnh thổ châu Phi có cảnh quan

- A. hoang mạc, bán hoang mạc và xa van.
B. bán hoang mạc, xa van và cây bụi gai.
C. xa van, cây bụi gai và rừng nhiệt đới.
D. rừng nhiệt đới ẩm và bán hoang mạc.

Câu 14: Dân cư Mĩ la tinh có đặc điểm nào dưới đây?

- A. Gia tăng dân số thấp.
B. Tỷ suất nhập cư lớn.
C. Tỷ lệ dân thành thị cao.
D. Dân số đang trẻ hóa.

Câu 15: Phần lớn diện tích rừng xích đạo và rừng nhiệt đới ẩm ở Mĩ La Tinh tập trung ở

- A. đồng bằng A- ma-dôn.
B. đồng bằng La Pla-ta.
C. sơn nguyên Bra-xin.
D. sơn nguyên Guy-an.

Câu 16: Vùng núi nổi tiếng nhất của Mỹ La tinh là

- A. An-tai.
B. Cooc-đi-e.
C. An-đet.
D. An-pơ.

Câu 17: Khu vực Tây Nam Á không có đặc điểm nào sau đây?

- A. Vị trí địa lý mang tính chiến lược.
B. Nguồn tài nguyên dầu mỏ giàu có.
C. Sự can thiệp vụ lợi từ bên ngoài.
D. Tự nhiên thuận lợi cho nông nghiệp.

Câu 18: Khu vực Tây Nam Á bao gồm

- A. 20 quốc gia và vùng lãnh thổ.
B. 21 quốc gia và vùng lãnh thổ.
C. 22 quốc gia và vùng lãnh thổ.
D. 23 quốc gia và vùng lãnh thổ.

Câu 19: Châu Phi tiếp giáp với 2 đại dương là

- A. Đại Tây Dương và Ấn Độ Dương.
B. Thái Bình Dương và Đại Tây Dương.
C. Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương.
D. Ấn Độ Dương và Bắc Băng Dương

Câu 20: Thế mạnh về tự nhiên để phát triển chăn nuôi gia súc của khu vực Trung Á là

- A. khí hậu ôn hòa, lượng mưa lớn.
B. có nhiều sơn nguyên rộng lớn.
C. đồng cỏ trên thảo nguyên rộng.
D. sông ngòi dày đặc, nhiều nước.

Câu 21: Hai con sông nổi tiếng nhất ở châu Phi là

- A. Amadôn và Nigê.
B. Nin và Công gô.
C. Cônggô và Vônga.
D. Nin và Amadôn.

Câu 22: Quốc gia có trữ lượng dầu mỏ lớn nhất ở khu vực Tây Nam Á là

- A. Ả- Rập-xê-út.
B. I- rắc.
C. Thổ Nhĩ Kỳ.
D. Cô-oét.

Câu 23: Địa điểm đã từng là cái nôi của nền văn minh Cổ đại của loài người là

- A. Sơn nguyên Iran.
B. Bán đảo Ả-rập.
C. Đồng bằng Lưỡng Hà.
D. Vịnh Pecxich.

Câu 24. Ý nào sau đây là đúng khi nói về sự phát triển mạnh mẽ của ngành dịch vụ Hoa Kỳ?

- A. Hệ thống các loại đường và phương tiện vận tải hiện đại nhất thế giới.
B. Ngành ngân hàng và tài chính chỉ hoạt động trong phạm vi lãnh thổ nước mình.
C. Thông tin liên lạc rất hiện đại, nhưng chỉ phục vụ nhu cầu trong nước.
D. Ngành du lịch phát triển mạnh, nhưng doanh thu lại rất thấp.

Câu 25: Nhận định nào sau đây không đúng về vị trí của các nước Trung Á?

- A. Vị trí chiến lược cả về kinh tế, chính trị và quân sự.
B. Nằm ở trung tâm của châu Á.
C. Giáp với nhiều cường quốc ở cả hai châu lục Á và Âu.
D. Giáp với nhiều biển và đại dương.

Câu 26: Dân cư thành thị của Hoa Kỳ tập trung chủ yếu ở các thành phố có quy mô

- A. lớn và cực lớn.
B. lớn và vừa.
C. vừa và nhỏ.
D. cực lớn.

Câu 27: Hoa Kỳ có diện tích lớn

- A. thứ 2 thế giới. B. thứ 3 thế giới. C. thứ 4 thế giới. D. thứ 5 thế giới.

Câu 28: Lãnh thổ Hoa Kỳ phần lớn nằm trong vành đai khí hậu

- A. xích đạo. B. nhiệt đới. C. ôn đới. D. hàn đới.

Câu 29. Bốn mặt tự do lưu thông trong liên minh châu Âu là

- A. tự do di chuyển, lưu thông dịch vụ, hàng hóa, tiền vốn.
B. tự do trao đổi thông tin, đi lại, hàng hóa, tiền vốn.
C. tự do trao đổi người, hàng, vốn, tri thức.
D. tự do di chuyển, giao thông vận tải, thông tin, buôn bán.

Câu 30: Dân cư Hoa Kỳ có nguồn gốc chủ yếu từ

- A. Châu Âu. B. Châu Phi. C. Châu Á. D. Mỹ La tinh.

Câu 31: Bang Alaxca nổi tiếng nhất với loại khoáng sản

- A. Than và quặng sắt. B. Thiếc và đồng. C. Dầu mỏ và khí đốt. D. Vàng và kim cương.

Câu 32. Người dân của các nước thành viên EU có thể dễ dàng mở tài khoản tại các nước khác trong khối là biểu hiện của tự do

- A. lưu thông tiền vốn. B. lưu thông dịch vụ.
C. lưu thông hàng hóa. D. di chuyển.

Câu 33: Vùng có mật độ dân số cao nhất của Hoa Kỳ là

- A. vùng Đông Bắc. B. vùng Đông Nam. C. vùng trung tâm. D. vùng phía Tây.

Câu 34: Thế mạnh về thủy điện của Hoa Kỳ tập trung chủ yếu ở vùng nào?

- A. Vùng phía Tây và vùng phía Đông. B. Vùng phía Đông và vùng trung tâm.
C. Vùng trung tâm và bán đảo Alaxca. D. Bán đảo Alaxca và quần đảo Hawaii.

Câu 35: Vùng phía Tây Hoa Kỳ chủ yếu có khí hậu

- A. Cận nhiệt đới và hoang mạc. B. Cận nhiệt đới và bán hoang mạc
C. Cận nhiệt đới và ôn đới hải dương. D. Hoang mạc và bán hoang mạc

Câu 36: Vùng ven bờ Thái Bình Dương của Hoa Kỳ có khí hậu

- A. Cận nhiệt đới và ôn đới hải dương. B. Cận nhiệt đới và bán hoang mạc
C. Cận nhiệt đới và hoang mạc. D. Bán hoang mạc và ôn đới hải dương

Câu 37: Vùng phía Đông Hoa Kỳ có địa hình chủ yếu là

- A. Đồng bằng châu thổ rộng lớn, núi thấp. B. Đồng bằng ven biển tương đối lớn, núi thấp
C. Cao nguyên cao, đồ sộ và núi thấp. D. Đồng bằng nhỏ hẹp ven biển, núi thấp

Câu 38: Vùng “vành đai Mặt Trời” của Hoa Kỳ hiện nay là

- A. Đông Bắc. B. Trung tâm. C. Dọc biên giới Canada. D. Tây và Nam.

Câu 39: Chiếm tỉ trọng cao nhất trong giá trị hàng xuất khẩu của Hoa Kỳ là sản phẩm của ngành

- A. nông nghiệp. B. thủy sản.
C. công nghiệp chế biến. D. công nghiệp khai khoáng

Câu 40: Lãnh thổ Hoa Kỳ không bao gồm bộ phận nào dưới đây?

- A. Bán đảo Alaxca. B. Quần đảo Haoai.
C. Quần đảo Ăng-ti. D. Phần đất ở trung tâm Bắc Mỹ.

Câu 41: Đặc điểm nổi bật của địa hình Hoa Kỳ là

- A. độ cao giảm từ Tây sang Đông.
- B. độ cao giảm dần từ Bắc xuống Nam.
- C. độ cao không chênh lệch nhau giữa các khu vực.
- D. cao ở phía Tây và Đông, thấp ở vùng trung tâm.

Câu 42. Hiện nay, sản xuất công nghiệp của Hoa Kỳ đang mở rộng xuống vùng

- A. phía Tây Bắc và ven Thái Bình Dương.
- B. phía Nam và ven Thái Bình Dương.
- C. phía Đông Nam và ven vịnh Mêhicô.
- D. ven Thái Bình Dương và vịnh Mêhicô.

Câu 43: Luyện kim, chế tạo ô tô, đóng tàu, hoá chất, dệt,... là các ngành công nghiệp chủ yếu của

- A. vùng Phía Tây.
- B. vùng Đông Bắc.
- C. vùng phía Nam.
- D. vùng Nội địa.

Câu 44. nguồn lao động có trình độ cao. B. nguồn vốn đầu tư lớn.

- C. nền văn hóa đa dạng.
- D. đa dạng về chủng tộc.

Câu 45: Lãnh thổ rộng lớn của Hoa Kỳ làm cho tự nhiên thay đổi từ

- A. Bắc xuống Nam, từ thấp lên cao.
- B. Tây sang Đông, từ thấp lên cao.
- C. thấp lên cao, từ ven biển vào nội địa.
- D. Bắc xuống Nam, từ Đông sang Tây.

Câu 46: Nhận định nào dưới đây **không** đúng với ngành dịch vụ của Hoa Kỳ hiện nay?

- A. Dịch vụ là sức mạnh của nền kinh tế Hoa Kỳ.
- B. Chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu GDP.
- C. Hoạt động dịch vụ rất đa dạng.
- D. Hoạt động dịch vụ chủ yếu là du lịch.

Câu 47: Nhận xét **không** chính xác về đặc điểm tự nhiên của vùng Trung tâm Hoa Kỳ là

- A. Phần phía Tây và phía Bắc có địa hình đồi gò thấp, nhiều đồng cỏ.
- B. Phần phía Nam là đồng bằng phù sa màu mỡ thuận lợi trồng trọt.
- C. Khoáng sản có nhiều loại với trữ lượng lớn như than, quặng sắt, dầu mỏ, khí tự nhiên.
- D. Phía bắc có khí hậu ôn đới, phía nam ven vịnh Mê-hi-cô có khí hậu nhiệt đới.

Câu 48: Nhận xét nào sau đây **không** đúng về đặc điểm tự nhiên vùng núi Coóc-đi-e?

- A. gồm các dãy núi trẻ cao trung bình trên 2000 m, chạy song song theo hướng Bắc-Nam.
- B. xen giữa các dãy núi là bồn địa và cao nguyên có khí hậu hoang mạc và bán hoang mạc.
- C. ven Thái Bình Dương là các đồng bằng nhỏ hẹp, đất tốt, khí hậu nhiệt đới và cận nhiệt.
- D. có nhiều kim loại màu, tài nguyên năng lượng phong phú, diện tích rừng tương đối lớn.

Câu 49. Tính từ năm 2004, liên minh châu Âu được mở rộng sang hướng nào là chính?

- A. Xuống phía Nam.
- B. Sang phía Đông.
- C. Sang phía Tây.
- D. Lên phía Bắc.

Câu 50: Trong ngoại thương, EU hạn chế nhập các mặt hàng nào sau đây?

- A. Dầu khí.
- B. Dệt, da.
- C. Than, sắt.
- D. Điện tử.

Câu 51: Liên kết vùng Ma-xơ Rai-nơ hình thành tại khu vực biên giới của các nước

- A. Hà Lan, Bỉ, Đức.
- B. Hà Lan, Pháp, Áo.
- C. Bỉ, Pháp, Đan Mạch.
- D. Đức, Hà Lan, Pháp.

Câu 52: Việc sử dụng đồng Euro - rô **không** mang lại lợi ích nào sau đây cho EU?

- A. Nâng cao sức cạnh tranh thị trường chung châu Âu.
- B. Thu tiêu những rủi ro khi chuyển đổi tiền tệ.
- C. Thuận lợi cho việc chuyển giao vốn trong EU.
- D. Thu hẹp trình độ phát triển kinh tế giữa các nước thành viên.

Câu 53: Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với thị trường chung châu Âu?

- A. Người dân EU được tự do đi lại, cư trú, lựa chọn nơi làm việc.
- B. Các hạn chế đối với giao dịch thanh toán được tăng cường.

C. Các nước EU có chính sách thương mại chung buôn bán với ngoài khối.

D. Sản phẩm của một nước được tự do buôn bán trong thị trường chung.

Câu 54: Cơ quan đầu não đứng đầu EU hiện nay là

A. Các ủy ban chính phủ.

B. Hội đồng bộ trưởng.

C. Quốc hội Châu Âu.

D. Hội đồng Châu Âu.

Câu 55: Hoạt động nào sau đây **không thực hiện trong liên kết vùng Châu Âu?**

A. Tự do đi sang nước láng giềng làm việc.

B. Xuất bản tạp chí chung với nhiều thứ tiếng.

C. Phối hợp tổ chức khóa đào tạo chung.

D. Tổ chức chung các hoạt động chính trị.

Câu 56: Ở Liên minh châu Âu (EU), một luật sư người I-ta-li-a có thể làm việc ở Béc - lin như một luật sư Đức là biểu hiện của

A. tự do di chuyển.

B. tự do lưu thông tiền vốn.

C. tự do lưu thông dịch vụ.

D. tự do lưu thông hàng hóa.

Câu 57. EU trở thành trung tâm kinh tế hàng đầu của thế giới chủ yếu do

A. Diện tích lớn, dân số đông hơn so với các khu vực khác

B. Có tốc độ tăng trưởng cao hàng đầu thế giới.

C. Tạo ra được thị trường chung và sử dụng một đồng tiền chung.

D. Có nhiều quốc gia thành viên nhất.

Câu 58: Ý nghĩa lớn nhất của việc đưa đồng Ô - rô vào sử dụng chung trong Liên minh châu Âu là

A. thủ tiêu những rủi ro khi chuyển đổi tiền tệ.

B. tạo thuận lợi cho việc chuyển giao vốn trong EU.

C. nâng cao sức cạnh tranh của thị trường chung châu Âu.

D. đơn giản hóa công tác kế toán của các doanh nghiệp.

Câu 59: Việc đưa vào sử dụng đồng tiền chung của EU **không có tác dụng nào sau đây?**

A. Sức cạnh tranh của thị trường chung Châu Âu được nâng cao.

B. Triệt tiêu lạm phát, trở thành đồng tiền có giá trị lớn nhất thế giới.

C. Việc chuyển giao vốn trong EU ngày càng trở nên thuận lợi hơn.

D. Việc thanh quyết toán của các doanh nghiệp đa quốc gia dễ dàng hơn.

Câu 60. Bốn mặt tự do lưu thông trong liên minh châu Âu là

A. tự do di chuyển, lưu thông dịch vụ, hàng hóa, tiền vốn.

B. tự do trao đổi thông tin, đi lại, hàng hóa, tiền vốn.

C. tự do trao đổi người, hàng, vốn, tri thức.

D. tự do di chuyển, giao thông vận tải, thông tin, buôn bán.

Câu 61: Giá nông sản của EU thấp hơn so với giá thị trường thế giới vì

A. EU đã hạn chế nhập khẩu nông sản.

B. giá lao động nông nghiệp rẻ.

C. đầu tư nguồn vốn lớn cho nông nghiệp.

D. trợ cấp cho hàng nông sản EU.

Câu 62: Một chiếc máy bay do Pháp sản xuất khi xuất khẩu sang Hà Lan

A. cần giấy phép của chính phủ Hà Lan.

B. phải nộp thuế cho chính phủ Hà Lan.

C. không phải nộp thuế cho chính phủ Hà Lan.

D. thực hiện chính sách thương mại riêng ở Hà Lan.

Câu 63: Tự do lưu thông tiền vốn trong EU **không phải là việc**

A. bãi bỏ các rào cản đối với giao dịch thanh toán.

B. các nhà đầu tư có thể chọn nơi đầu tư có lợi nhất.

C. nhà đầu tư mở tài khoản tại các nước EU khác.

D. bỏ thuế giá trị gia tăng hàng hóa của mỗi nước.

Câu 64: Nguyên nhân nào sau đây là đúng nhất trong việc phát triển các liên kết vùng?

A. Thực hiện chung các dự án về giáo dục.

B. Thực hiện chung các dự án về văn hóa.

C. Tận dụng những lợi thế riêng của mỗi nước.

D. Tăng cường tình đoàn kết hữu nghị giữa các nước.

Câu 65 . EU đã làm gì để đảm bảo tự do lưu thông của các nước thành viên?

A. Đưa vào sử dụng đồng Euro.

B. Thiết lập một thị trường chung.

C. Trợ giá cho các mặt hàng nông sản.

D. Tuân thủ đầy đủ quy định của WTO.

Câu 66: Trụ sở hiện nay của liên minh châu Âu được đặt ở

A. Bruccen (Bỉ).

B. Béc- lin (Đức).

C. Pari (Pháp).

D. Matxcova

(Nga).

Câu 67: Dân cư Hoa Kỳ tập trung đông ở vùng Đông Bắc chủ yếu do nguyên nhân nào sau đây?

A. Điều kiện tự nhiên thuận lợi.

B. Lịch sử khai thác lãnh thổ.

C. Đặc điểm phát triển kinh tế.

D. Tính chất của nền kinh tế.

Câu 68: Việc sử dụng đồng tiền chung Euro (Ơ-rô) trong EU có vai trò

A. nâng cao sức cạnh tranh của thị trường chung châu Âu.

B. làm tăng rủi ro khi chuyển đổi tiền tệ.

C. làm cho việc chuyển giao vốn trong EU trở nên khó khăn hơn.

D. công tác kế toán của các doanh nghiệp đa quốc gia trở nên phức tạp.

Câu 69: Dân cư Hoa Kỳ đang có xu hướng di chuyển từ các bang vùng Đông Bắc đến phía Nam và ven Thái Bình Dương chủ yếu do

A. Đông Bắc kinh tế chậm phát triển.

B. Đông Bắc có khí hậu khắc nghiệt.

C. chủ trương di dân của nhà nước.

D. sản xuất công nghiệp được mở rộng.

Câu 70: Đặc điểm nào sau đây **không** đúng về nền sản xuất nông nghiệp của Hoa Kỳ?

A. Nền nông nghiệp phát triển hàng đầu thế giới.

B. Giảm tỉ trọng hoạt động thuần nông, tăng tỉ trọng dịch vụ nông nghiệp.

C. Sản xuất theo hướng đa dạng hóa nông sản trên cùng một lãnh thổ.

D. Sản xuất nông nghiệp chủ yếu cung cấp cho nhu cầu trong nước.

Câu 71: Đặc điểm nào **không** đúng với EU?

A. Eu là trung tâm kinh tế lớn trên thế giới.

B. Eu là liên kết khu vực kinh tế lớn trên thế giới..

C. Eu là tổ chức thương mại hàng đầu thế giới..

D. EU là lãnh thổ phát triển đồng đều giữa các vùng.

Câu 72: Đặc điểm nào dưới đây **không** phải thể hiện tính chất siêu cường về kinh tế của Hoa Kỳ?

A. Tổng GDP lớn nhất thế giới.

B. Công nghiệp chiếm tỉ trọng cao nhất trong GDP.

C. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu lớn nhất thế giới.

D. Tốc độ tăng trưởng cao, ổn định trừ một số năm bị khủng hoảng.

Câu 73: Cho bảng số liệu sau:

TỈ SUẤT SINH THÔ, TỈ SUẤT TỬ THÔ CỦA CHÂU PHI VÀ THẾ GIỚI NĂM 2005

(Đơn vị: ‰)

	Tỉ suất sinh thô	Tỉ suất tử thô
Châu Phi	38	15
Thế giới	21	9

(Nguồn: Sách Giáo khoa Địa lí 11, trang 21, NXB Giáo dục)

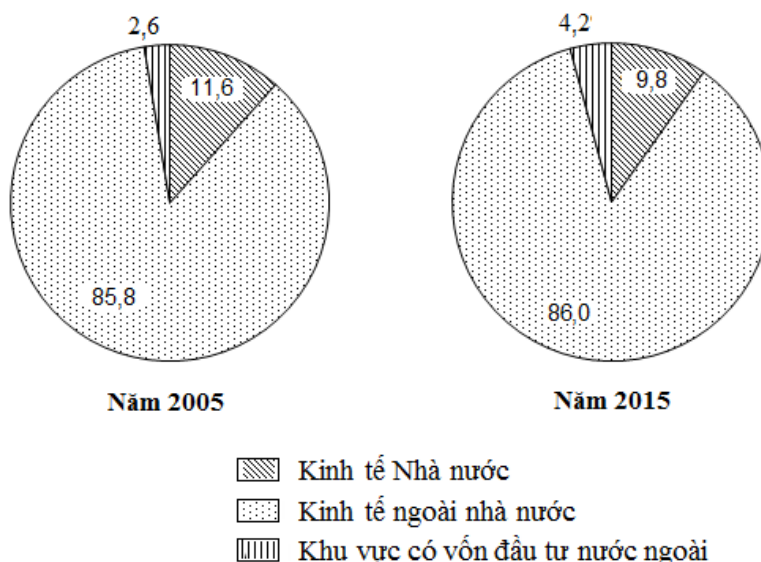
Dựa vào bảng số liệu trên, hãy cho biết tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên của châu Phi và thế giới năm 2005 là bao nhiêu?

- A. 22% và 11%. B. 2,3% và 1,2%. C. 3,4% và 2,0%. D. 1,2% và 0,9%.

Câu 74: Khu vực Tây Nam Á là cửa ngõ của

- A. Âu – Á - Phi. B. Mỹ – Á - Phi.
C. Âu – Mỹ - Phi. D. Âu – Á – Mỹ.

Câu 75. Cho biểu đồ:



CƠ CẤU LAO ĐỘNG ĐANG LÀM VIỆC PHÂN THEO THÀNH PHẦN

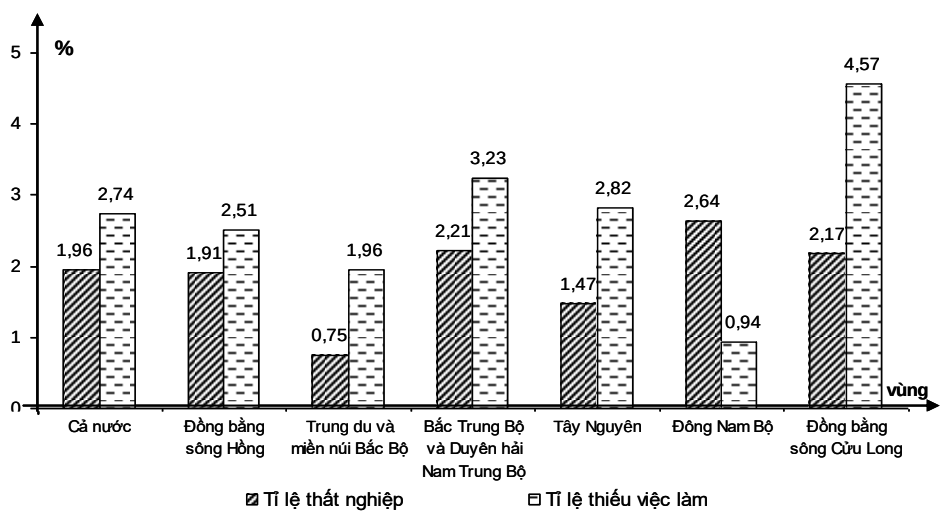
KINH TẾ CỦA VIỆT NAM, NĂM 2005 VÀ NĂM 2016 (%)

(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về tỉ trọng lao động đang làm việc phân theo thành phần kinh tế của nước ta năm 2015 so với năm 2005?

- A. Kinh tế Nhà nước giảm, ngoài Nhà nước tăng.
B. Kinh tế Nhà nước tăng, ngoài Nhà nước giảm.
C. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng, ngoài Nhà nước giảm.
D. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài giảm, ngoài Nhà nước tăng.

Câu 76: Cho biểu đồ:



TỈ LỆ THẤT NGHIỆP VÀ THIẾU VIỆC LÀM CỦA CÁC VÙNG NƯỚC TA NĂM 2012

Căn cứ vào biểu đồ, cho biết nhận xét nào sau đây **không** đúng về tỉ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm của các vùng năm 2012?

- A. Tây Nguyên có tỉ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm cao hơn cả nước.
- B. Đồng bằng sông Cửu Long có tỉ lệ thiếu việc làm cao nhất cả nước.
- C. Trung du và miền núi Bắc Bộ có tỉ lệ thất nghiệp thấp nhất cả nước.
- D. Tỉ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm khác nhau giữa các vùng.

Câu 77: Khu vực Tây Nam Á **không** có đặc điểm nào sau đây?

- A. Vị trí địa lý mang tính chiến lược.
- B. Nguồn tài nguyên dầu mỏ giàu có.
- C. Sự can thiệp vự lợi từ bên ngoài.
- D. Tự nhiên thuận lợi cho nông nghiệp.

Câu 78: Cho bảng số liệu

NỢ NƯỚC NGOÀI CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA MĨ LA TINH - NĂM 2005

(Đơn vị: tỉ USD)

Quốc gia	Ac-hen-ti-na	Bra-xin	Mê-hi-cô	Chi-lê	Vê-nê-xu-ê-la
Tổng số nợ	158	220	149,9	44,6	33,3
GDP	151,5	605	676,5	94,1	109,3

(Nguồn: Sách giáo khoa Địa lí 11, NXB giáo dục)

Theo bảng số liệu, để so sánh số nợ nước ngoài với GDP của một số quốc gia Mĩ La tinh, biểu đồ nào dưới đây thích hợp nhất?

- A. Biểu đồ hình cột.
- B. Biểu đồ hình tròn.
- C. Biểu đồ đường.
- D. Biểu đồ kết hợp

Câu 79: Cho bảng số liệu:

GIÁ TRỊ XUẤT NHẬP KHẨU CỦA HOA KÌ, GIAI ĐOẠN 2010 - 2015

(Đơn vị: tỉ USD)

Năm	Xuất khẩu	Nhập khẩu
2010	1852,3	2365,0
2012	2198,2	2763,8
2014	2375,3	2884,1
2015	2264,3	2786,3

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2015, NXB thống kê, 2016)

Theo bảng số liệu, cho biết nhận xét nào sau đây **không** đúng với tình hình xuất nhập khẩu của Hoa Kỳ, giai đoạn 2010 - 2015?

- A. Nhập khẩu tăng nhiều hơn xuất khẩu.
- B. Xuất khẩu tăng chậm hơn nhập khẩu.
- C. Nhập khẩu luôn lớn hơn xuất khẩu.
- D. Tổng giá trị xuất nhập khẩu tăng lên.

Câu 80: Cho bảng số liệu sau:

GIÁ TRỊ XUẤT NHẬP KHẨU CỦA HOA KÌ VÀ NHẬT BẢN NĂM 2010

(Đơn vị: triệu USD)

Quốc gia	Xuất khẩu	Nhập khẩu
Nhật Bản	769,8	692,4
Hoa Kỳ	1 831,9	2 316,7

(Nguồn: Tuyển tập đề thi Olympic 30 tháng 4 năm 2018)

Nhận xét nào sau đây là đúng về tỉ trọng giá trị xuất khẩu, nhập khẩu của Hoa Kỳ và Nhật Bản?

- A. Tỉ trọng nhập khẩu của Hoa Kỳ nhỏ hơn xuất khẩu.
- B. Tỉ trọng xuất khẩu của Hoa Kỳ nhỏ hơn nhập khẩu.
- C. Tỉ trọng nhập khẩu của Nhật Bản cao hơn xuất khẩu.
- D. Tỉ trọng xuất khẩu của Nhật Bản bằng tỉ trọng nhập khẩu.